

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ C  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2019/DS-ST  
Ngày: 08 – 8 – 2019  
V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Hân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:*** Ông Huỳnh Quốc Phong - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 08 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 32/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 463/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Dược A***

Địa chỉ trụ sở: Phường TK, quận TK1, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Quang T (theo văn bản ủy quyền ngày 15/3/2019): Ông Huỳnh Chí T1, sinh năm: 1968. (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực 6, phường AK, quận NK, thành phố Cần Thơ.

***- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B***, sinh năm: 1982. (vắng mặt)

Địa chỉ: Phường TAX, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/01/2019, ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Quang T - đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:*

Bà Nguyễn Thị B là nhân viên của Công ty cổ phần Dược A (sau đây gọi tắt là Công ty). Bà B được giao nhiệm vụ giới thiệu sản phẩm của Công ty đến khách hàng, nhận hàng từ Công ty giao cho khách hàng và thu tiền bán hàng từ khách hàng nộp về Công ty. Trong thời gian công tác tại địa bàn tỉnh D, bà B đã báo đơn hàng giả cho Công ty, để Công ty xuất hóa đơn bán hàng, xuất hàng cho bà B nhận. Bà B nhận hàng của Công ty, mang hàng đi bán, không giao tiền bán hàng cho Công ty mà chiếm đoạt tiền hàng, để phát sinh công nợ với Công ty. Đến ngày khởi kiện, bà B còn nợ Công ty số tiền 211.863.730đ. Công ty đã nhiều lần yêu cầu bà B thanh toán tiền hàng cho Công ty nhưng bà B vẫn không thanh toán. Do đó Công ty đã có đơn tố cáo bà B gửi đến Công an thành phố D, yêu cầu xem xét khởi tố hình sự đối với hành vi của bà B. Quá trình điều tra, xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định hành vi của bà B không đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên đã ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Công ty không tiếp tục khiếu nại xem xét xử lý hình sự hành vi của bà B, chỉ khởi kiện dân sự, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà B trả cho Công ty số tiền 211.863.730đ.

Tại phiên tòa, ông Huỳnh Chí T1 – đại diện hợp pháp ông Nguyễn Quang T trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả cho Công ty cổ phần Dược A số tiền 211.863.730đ (*hai trăm mười một triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi đồng*) tương ứng với giá trị hàng còn lại bà B đã nhận từ Công ty. Ngoài ra Công ty không còn yêu cầu nào khác.

*Đối với bà Nguyễn Thị B:* Mặc dù cán bộ tổng đạt đã tổng đạt hợp lệ (niêm yết) Thông báo về việc thụ lý vụ án và các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà B, thông báo cho bà B đến Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập bà B đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án, nhưng bà B vẫn không có mặt tại Tòa án theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào, cũng không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C trình bày quan điểm như sau:*

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 256 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Công ty cổ phần Dược A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B trả cho Công ty số tiền tương ứng với giá trị hàng bà B nợ lại Công ty trong thời gian bà B làm việc tại Công ty với chức danh Trình dược viên. Do đó, tranh chấp giữa Công ty với bà Nguyễn Thị B được xác định là tranh chấp về giao dịch dân sự, cụ thể là tranh chấp về việc đòi lại tài sản. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Bà Nguyễn Thị B cư trú tại phường TAX, thành phố C, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị B đã được tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, tổng đạt Giấy triệu tập của Tòa án triệu tập bà B tham gia phiên tòa xét xử nhiều lần nhưng bà B vẫn vắng mặt, không có ý kiến phản hồi, đồng thời cũng không có mặt tại phiên tòa để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Do đó vụ án không hòa giải được, Tòa án đưa vụ án ra xét xử và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B theo quy định tại các Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Tại các Biên bản ghi lời khai của bà Nguyễn Thị B tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Từ tháng 01/2016 bà Nguyễn Thị B là nhân viên của Công ty cổ phần Dược A (theo Hợp đồng lao động số 04/16/HĐLD-DNP), giữ chức danh Trình dược viên. Bà B được giao nhiệm vụ giới thiệu sản phẩm của Công ty đến khách hàng, nhận hàng từ Công ty giao cho khách hàng và thu tiền bán hàng từ khách hàng nộp về Công ty. Năm 2016, bà B đã báo với Công ty rằng Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa tỉnh D, Nhà thuốc Bệnh viện Đa khoa G và Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa M đặt mua hàng của Công ty, để Công ty xuất hóa đơn bán hàng cho các Bệnh viện trên. Tin tưởng bà B nên Công ty đã xuất hàng cho bà B nhận để giao hàng cho bên mua. Ngoài giá trị hàng bà B đã nhận trước đây, bà B đã nhận hàng của Công ty để giao cho các Bệnh viện nêu trên với lượng hàng có tổng giá trị 218.922.348đ. Do thực tế các Bệnh viện nêu trên không đặt mua hàng của Công ty nên bà B mang hàng của Công ty bán cho các nhà thuốc tây tư nhân, các phòng mạch tư nhân trên địa bàn tỉnh D. Bà B bán hàng nhưng không giao tiền bán hàng cho Công ty. Sau khi nhận lượng hàng Công ty xuất bán cho các đơn vị mua hàng khác và các bệnh viện nêu trên, tính đến tháng 02/2017 bà B còn phải thu hồi nợ để giao nộp về Công ty với tổng số tiền 239.427.550đ (theo “Bảng xác nhận số dư công nợ tháng 02/2017”, có xác nhận của bà B). Sau đó bà B có thanh toán cho Công ty một khoản tiền nên tính đến ngày 09/02/2018 công nợ còn lại với Công ty mà bà B có trách nhiệm giao nộp là 211.863.730đ. Những thông tin nêu trên được bà B thừa nhận, thể hiện tại các biên bản ghi lời khai của bà B vào các ngày 29/12/2017, ngày 10/01/2018 và ngày 09/02/2018. Xét thấy bà B đã đưa ra thông tin sai sự thật để Công ty xuất hàng cho bà B nhận, sau đó bà B mang hàng đi bán, thu được tiền hàng nhưng không nộp về công ty mà sử dụng các nhân. Công ty đã có đơn tố cáo hành vi của bà B gửi đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, yêu cầu xem xét, khởi tố vụ án hình sự. Qua điều tra, xác minh, Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an thành phố D xác định hành vi của bà B không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên đã ban hành Quyết định không khởi tố vụ án hình sự số 28 vào ngày 22/3/2018. Công ty xác định không khiếu nại đối với quyết định không khởi tố vụ án hình sự, chỉ yêu cầu Toà án xem xét giải quyết dân sự. Do Công ty không tiếp tục khiếu nại việc không khởi tố vụ án hình sự, chỉ yêu cầu xem xét giải quyết dân sự nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết yêu cầu về dân sự của Công ty. Bà B thừa nhận công nợ với Công ty số tiền 211.863.730đ và cam kết sẽ trả tiền cho Công ty. Do bà B không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào cho Toà án để chứng minh từ ngày 09/02/2018 đến nay bà B có thanh toán thêm khoản tiền nào cho Công ty nên có căn cứ xác định bà B còn nợ Công ty số tiền 211.863.730đ. Hội đồng xét xử xét thấy bà B đã chiếm hữu không có căn cứ pháp luật tài sản của Công ty nên Công ty có quyền đòi bà B trả lại tài sản mà bà B đã chiếm hữu. Do lượng hàng bà B nhận từ Công ty, bà B đã bán và chiếm dụng số tiền bán hàng nên cần buộc bà B trả lại Công ty số tiền tương đương với giá trị hàng mà bà B chiếm dụng. Công ty yêu cầu Toà án buộc bà B trả cho công ty số tiền 211.863.730đ; bà B thừa nhận còn phải trả cho Công ty 211.863.730đ, nên yêu cầu của Công ty về việc buộc bà B trả cho Công ty số tiền 211.863.730đ là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị B phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Công ty cổ phần Dược A không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 256 của Bộ luật dân sự 2005;
- Căn cứ Điều 26, Điều 35, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Dược A. Buộc bà Nguyễn Thị B thanh toán cho Công ty cổ phần Dược A số tiền 211.863.730đ (*hai trăm mười một triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi đồng*).

Kể từ ngày Công ty cổ phần Dược A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị B không tự nguyện thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành án.

2 - Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Nguyễn Thị B phải chịu 10.593.000đ (*mười triệu năm trăm chín mươi ba nghìn đồng*). Công ty Cổ phần Dược A không phải chịu án phí. Ngày 30/01/2019, Công ty cổ phần Dược A đã dự nộp số tiền 5.297.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C (biên lai thu số 0002010) được hoàn lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3 - Về quyền kháng cáo: Công ty Cổ phần Dược A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; Văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Nguyễn Ngọc Hân**